TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HSST
Ngày: 22/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - Q

- T phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Phan Tuấn Anh***.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông ***Nguyễn Văn Giới***

2, Ông ***Trần Hữu Trung***

- Thư ký phiên tòa*:* Bà ***Dương Thị Tố Tâm*** - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q tham gia phiên tòa: *Ông* ***Bùi Đình Thi*** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/HSST-QĐ ngày 16/01/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T** (không có tên gọi khác); sinh ngày 26 tháng 02 năm 1988, tại T phố H; Nơi thường trú: thôn B, xã V, T phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Đức G, sinh năm 1949; con bà Phạm Thị T (đã chết); Chồng: Phạm Tuấn A, sinh năm 1989 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 28/8/2025 đến ngày 06/9/2025 chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1956; nơi thường trú: số 45/275 đường N, phường A, T phố H. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

1. Ông **Ứng Văn G**, sinh năm 1955; Nơi thường trú: tổ 2, khu H, phường M, tỉnh Q, Vắng mặt.

2. Ông **Phạm Trung N**, sinh năm 1964; Nơi thường trú: tổ 2, khu H, phường M, tỉnh Q, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy đá (Methamphetamine) nên khoảng 12 giờ ngày 26/8/2025 Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đen, biển kiểm soát 16M4-8666 một mình từ nhà trọ đi đến khu vực đường tàu ngã tư An Dương thuộc phường An Biên, T phố H để tìm mua ma túy đá. Tại đây T gặp và hỏi mua được 800.000 đồng ma túy đá của một người đàn ông không quen biết ngồi gần khu vực đường tàu, rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T cất giấu túi nilon chứa ma túy đá nêu trên trong túi quần dài phía trước bên phải, đồng thời đeo them trên người 01 chiếc túi xách màu đen bên trong để điện thoại cùng giấy tờ tùy thân rồi điều khiển xe mô tô (chở theo con gái là cháu Trần Nguyễn Khánh A, sinh năm 2021) đi đến phường M, tỉnh Q chơi. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, khi T đi đến khu vực đầu cầu Đá Vách thuộc tổ 2, khu H, phường M, tỉnh Q thì bị lực lượng Công an ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra. Lúc này T sợ bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện túi nilon chứa ma túy đang cất giấu nên giả vờ giật mình đổ xe rồi ngồi bệt xuống nền đường và giãy đạp với mục đích để túi nilon chứa ma túy rơi, tuy nhiên vẫn bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ túi nilon chứa ma túy đã nêu trên. Ngoài ra quá trình kiểm tra còn tạm giữ của T 01 xe mô tô Attila, biển kiểm soát 16M4-8666; 01 túi xách màu đen, gắn thẻ sim số 0854.290.521 và 0348.867.268; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị T và đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Attila biển kiểm soát 16M4-8666, mang tên Nguyễn Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số 1257/KL-KTHS ngày 02/9/2025, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận: chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,313 gam (không phẩy ba một ba gam).

Tại bản kết luận giám định số: 1258/KL-KTHS ngày 02/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận: tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Thị T gửi giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT-VKSKV5, ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma*

túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như Cáo trạng đã truy tố và đề N Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thị T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T từ 42 (bốn mươi hai) đến 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/8/2025.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong số: 1257/KL-KTHS ngày 02/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành và toàn bộ vỏ bao gói mẫu không còn giá trị sử dụng nên đề N Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đen, gắn biển kiểm soát 16M3-8666, đã qua sử dụng, là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo nên đề N Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) túi xách màu đen, đã qua sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên đề N Hổi đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, vỏ màu đen, gắn sim số 0854.290.521 và sim số 0348.867.268, đã qua sử dụng. Máy không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong, không liên quan đến việc phạm tội nên đề N Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) Căn cước công dân số 031188014665, mang tên Nguyễn Thị T và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1, số AM813105, mang tên Nguyễn Thị T, là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên đề N Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0071602, đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển kiểm soát 16M4-8666, mang tên Nguyễn Văn T. Đề N Hội đồng xét xử trả lại kèm theo mô tô nêu trên cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị T không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

Trong phần nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng khoản 18 Điều 1; điểm a khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung đối với hành vi phạm tội xảy ra sau 0 giờ 00 phút ngày 01/7/2025. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với bị cáo.

Tại phiên toà vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Văn T, những người chứng kiến, ông Ứng Văn G và ông Phạm Trung N, tuy nhiên những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt tại phiên toà không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn T, những người chứng kiến ông Phạm Trung N và ông Ứng Văn G, phù hợp với Biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 28/8/2025, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 26/8/2025 và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 20 giờ 00 phút ngày 26/8/2025 tại tổ 2, khu H, phường M, tỉnh Q, Kết luận giám định số 1257/KL-KTHS ngày 02/9/2025, Kết luận giám định số 1258/KL-KTHS ngày 02/9/2025của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 26/8/2025, tại tổ 2, khu H, phường M, tỉnh Q, Nguyễn Thị T có hành vi tàng trữ trái phép 0,313 gam (không phẩy ba một ba gam) ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng, thì bị kiểm tra, phát hiện bắt giữ.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Thị T đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:...

c) ..., Methamphetamine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;".

Bị cáo Nguyễn Thị T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật. Nhưng vì thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất kinh doanh các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm sử dụng tại Việt Nam, đồng thời hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở T công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong số: 1257/KL-KTHS ngày 02/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành và toàn bộ vỏ bao gói mẫu không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đen, gắn biển kiểm soát 16M3-8666, đã qua sử dụng kèm theo 1 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0071602, đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển kiểm soát 16M4-8666, mang tên Nguyễn Văn T, là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo dùng để đi lại phục vụ sinh hoạt gia đình nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) túi xách màu đen, đã qua sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, vỏ màu đen, gắn sim số 0854.290.521 và sim số 0348.867.268, đã qua sử dụng. Máy không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) Căn cước công dân số 031188014665, mang tên Nguyễn Thị T và 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1, số AM813105, mang tên Nguyễn Thị T, là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Thị T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1. **Về tội danh**: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T: 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/8/2025.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì dán kín niêm phong số: 1257/KL-KTHS ngày 02/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói mẫu.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) túi xách màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đen, gắn biển kiểm soát 16M3-8666, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+, vỏ màu đen, gắn sim số 0854.290.521 và sim số 0348.867.268, đã qua sử dụng. Máy không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) Căn cước công dân số 031188014665, mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1, số AM813105, mang tên Nguyễn Thị T; 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0071602, đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển kiểm soát 16M4-8666, mang tên Nguyễn Văn T.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 18, ngày 09/12/2025 giữa Công an tỉnh Q và Thi hành án dân sự tỉnh Q).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Q;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Q;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q;
- Bị cáo;
- Thi hành án dân sự tỉnh Q;
- Lưu HS., VP, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh